TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 10-02-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Anh Tài
- Bà Trần Thị Sầm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2022/TLST – DS, ngày 31/10/2022, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 489/2022/QĐXX – ST, ngày 21/12/2022, giữa các đương sự:

11. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bé S, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Diễm Q, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã T2, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà Phạm Thị Bé S có mặt.

Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Diễm Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/11/2022, lời trình bày trong quá trình tố tụng của nguyên đơn là bà Phạm Thị Bé S có nội dung:

Bà yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Diễm Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 110.000.000 đồng và trả số tiền lãi từ ngày 10/4/2022 đến khi hòa giải thành hoặc xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm (tạm tính từ ngày 10/4/2022 đến ngày 11/11/2022 là: 6.500.000 đồng).

Tổng cộng tạm tính đến ngày 11/11/2022 (vốn và lãi) là: 116.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Bé S đề nghị tính lãi tiếp theo đến ngày xét xử và không yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà Bùi Thị Diễm Q đối với số tiền mà ông T phải trả. Đối với số tiền chênh lệch giữa 02 lần yêu cầu khởi kiện xin rút yêu cầu.

Lý do yêu cầu: Vào ngày 17/11/2021, do có mối quan hệ quen biết nên bà có thỏa thuận cho ông T vay tiền để trả nợ ngân hàng, ông T có lập giấy nợ viết tay để bà giữ, số tiền cho vay là 300.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn vay 10 ngày tính từ ngày vay. Số tiền vay đến hạn nhưng ông T trả được 02 lần với số tiền là 190.000.000 đồng (02 lần, lần cuối là khoảng đầu tháng 4/2022), còn lại số tiền 110.000.000 đồng không trả nên bà khởi kiện.

- Lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn T tại bản khai ngày 11/11/2022 có nội dung:

Ông có vay của bà Phạm Thị Bé S số tiền là 300.000.000 đồng và sau đó có trả cho bà Bé S được 196.000.000 đồng, còn lại khoảng 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu chẵn). Ông cam kết những nội dung trên là đúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ là bà Bùi Thị Diễm Q vắng mặt theo giấy triệu tập, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra chứng chứng và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn là bà Phạm Thị Bé S có mặt. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Diễm Q vắng mặt, không có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Bé S buộc ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay còn thiếu cho bà Bé S với tiền vốn là 110.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0.833%/tháng, tính từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/02/2023. Các nội dung khác đề nghị đình chỉ do rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Phạm Thị Bé S, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; trong đó xác định bà Phạm Thị Bé S là nguyên đơn; Ông Nguyễn Văn T là bị đơn; Bà Bùi Thị Diễm Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Diễm Q tại phiên tòa, đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có đơn xin vắng nên xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Về số tiền vay tài sản 110.000.000 đồng *mà bà Phạm Thị Bé S yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tại Bản khai ngày 11/11/2022, ông T thừa nhận có vay của bà Phạm Thị Bé S số tiền là 300.000.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ xác định bà Bé S có cho ông T vay số tiền 300.000.000 đồng, đối với số tiền này bà Bé S không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

2. Về số tiền vốn mà ông T đã trả cho bà Bé S:

Bà Bé S thừa nhận ông T có trả cho bà 02 lần với số tiền 190.000.000 đồng, ông T còn thiếu lại 110.000.000 đồng.

Ông T cho rằng đã trả được 196.000.000 đồng, còn thiếu khoảng 116.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc trả tiền của ông T cho bà Bé S không lập thành văn bản, không có chứng cứ khác chứng minh. Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chỉ đến Tòa 01 lần duy nhất vào ngày 11/11/2022. Tuy nhiên, tại lần mời làm việc này, ông T chỉ viết bản khai, nhận tài liệu do nguyên đơn cung cấp và nộp bản sao căn cước công dân của mình. Sau đó tự ý bỏ về, không tham gia làm việc tiếp (đã thực hiện lập biên bản). Tòa án cũng đã tiến hành đến nơi cư trú của ông T để lấy lời khai nhưng không thực hiện được do ông T không có mặt tại địa phương. Lời trình bày như trên của ông T không có chứng cứ chứng minh, nay bà Bé S là người cho vay tiền thừa nhận đã nhận của ông T 190.000.000 đồng đây là tiền vốn vay mà ông T trả nên xác định ông T đã trả cho bà Bé S số tiền 190.000.000 đồng. Do số tiền vốn vay ban đầu mà các bên thống nhất là 300.000.000 đồng, ông T đã trả được 190.000.000 đồng, nên xác định số tiền ông T còn thiếu lại bà Bé S là 110.000.000 đồng như yêu cầu mà bà Bé S. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Bé S khởi kiện và yêu cầu trả số tiền còn thiếu là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền 190.000.000 đồng chênh lệch giữa 02 lần yêu cầu trong đơn khởi kiện, bà Bé S rút yêu cầu nên đình chỉ.

** Về số tiền lãi mà bà Phạm Thị Bé S yêu cầu 10%/năm, tức 0.833%/tháng kể từ ngày 10/4/2022 đến khi giải quyết xong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Khi thực hiện vay tiền, bà Bé S cho rằng không có thỏa thuận tiền lãi, ông T không trình bày nội dung này, hồ sơ không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh về thỏa thuận lãi suất (nếu có) giữa các bên. Đủ căn cứ xác định khi thỏa thuận vay không có thỏa thuận lãi.

Xét mức lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi quá hạn của nguyên đơn không trái quy định pháp luật và do ông T vi phạm thỏa thuận về thời gian trả tiền vốn nên buộc phải thực nghĩa vụ trả lãi chậm trả theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể: Tính lãi quá hạn từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/02/2023, là: 110.000.000 đồng (gốc) x 10 tháng x 0.833%/tháng = 9.163.000 đồng.

Không yêu cầu khoản lãi nào khác, không xem xét.

Như vậy, tổng cộng tiền vốn và lãi vay bà Bé S yêu cầu được chấp nhận là: 119.163.000 đồng.

** Về yêu cầu của bà Bé S đối với trách nhiệm liên đới giữa ông T và bà Q đối với khoản tiền trên, tại phiên tòa bà Bé S xin rút yêu cầu này, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Khi thực hiện khởi kiện, bà Bé S cho rằng ông T khi vay tiền đi một mình, mục đích vay tiền là để trả tiền vay ngân hàng nên buộc vợ của ông T cùng trả. Khi thực hiện tống đạt và tiến hành lấy lời khai thì bà Q không có mặt tại nơi cư trú nên không lấy lời khai được. Riêng ông T chỉ đến Tòa án một lần như nêu trên. Khi ông T vay tiền, bà Bé S không hỏi rõ ông T vay tiền của ngân hàng nào, người nào đứng tên vay, vay nhằm mục đích gì, số tiền vay và số tiền còn thiếu ngân hàng là bao nhiêu, việc vay tiền ngân hàng (nếu có) có liên quan gì đến việc ông T vay tiền của bà Bé S hay không. Đồng thời, vợ của ông T có liên quan gì đến việc vay tiền ngân hàng hay không. Nay không có thông tin gì cụ thể để yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Tại phiên tòa, bà Bé S rút yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà Q đối với số tiền nên trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé S đối với ông Nguyễn Văn T.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Bé S tổng số tiền vay tài sản còn thiếu là: 119.163.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm sáu mươi ba ngàn đồng). Trong đó:

+ Tiền vay gốc là: 110.000.000 đồng.

+ Tiền lãi là: 9.163.000 đồng (Lãi suất quá hạn 0.833%/tháng, tính từ 10/4/2022 đến ngày 10/02/2023).

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị Bé S về việc buộc trách nhiệm liên đới của bà Bùi Thị Diễm Q đối với số tiền nêu trên.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị Bé S đối với số tiền yêu cầu là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) do rút yêu cầu khởi kiện.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 5.958.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng), ông Nguyễn Văn T chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009652 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam cho bà Phạm Thị Bé S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).